

Số: 104./GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 01 tháng 8. năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp Giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 10/MT-KCNKH ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 3381 /TTr-CCBVMT ngày 28 tháng 7. năm 2023.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư và kinh doanh Khu công nghiệp Kim Huy (giai đoạn 1) tại Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án:**

1.1. Tên dự án: Đầu tư và kinh doanh Khu công nghiệp Kim Huy.



126



1.2. Địa điểm hoạt động: Khu Liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700747025 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 3 năm 2014; Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000042 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp chứng nhận lần đầu ngày 11 tháng 12 năm 2006, chứng nhận thay đổi lần 2 ngày 14 tháng 4 năm 2014.

1.4. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng và kinh doanh Khu công nghiệp Kim Huy số 4924/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Văn bản số 1928/UBND-KTN ngày 10 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Khu công nghiệp Kim Huy.

1.5. Mã số thuế: 3700747025.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: khu công nghiệp, các ngành nghề được phép thu hút đầu tư vào khu công nghiệp bao gồm:

Stt	Ngành nghề thu hút đầu tư
1	Sản xuất đồ uống
2	Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy (không sản xuất giấy từ nguyên liệu thô và bột giấy)
3	In, sao chép bản ghi các loại
4	Sản xuất thuốc và dược liệu
5	Sản xuất sản phẩm từ Plastic và cao su (không chế biến mủ cao su tươi)
6	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (không gia công xi mạ)
7	Công nghiệp may mặc, giày da cao cấp
8	Công nghiệp sản xuất cơ khí lắp ráp
9	Công nghiệp sản xuất các mặt hàng gỗ cao cấp
10	Một số ngành sản xuất không gây ô nhiễm môi trường khác.

Lưu ý: Các phân khu chức năng trong khu công nghiệp phải đảm bảo các điều kiện sau: giảm thiểu ảnh hưởng của các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác; thuận lợi cho công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; tăng cường khả năng tái sử dụng, tái chế chất thải, tiết kiệm năng lượng và cộng

sinh công nghiệp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công).

- Công trình xử lý nước thải giai đoạn 1: 2.000m<sup>3</sup>/ngày.

- Tổng diện tích khu công nghiệp: 171,63 ha (theo Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000), cụ thể:

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nhà máy	113,43	66,09
2	Đất các khu kỹ thuật	6,05	3,52
3	Đất công trình hành chính, dịch vụ	12,23	7,13
4	Đất cây xanh	17,71	10,32
5	Đất giao thông	22,21	12,94
<b>Tổng cộng</b>		<b>171,63</b>	<b>100</b>

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường 2020.



2. Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Kim Huy có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.


2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, Khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 07 năm (từ ngày 01. tháng 8. năm 2023 đến ngày 01. tháng 8. năm 2030).

Giấy phép môi trường thành phần, gồm: Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 1542/GXN-STNMT ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 44/GP-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / 

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH PT KCN Kim Huy;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- BQL các KCN Bình Dương;
- UBND thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường Phú Tân;
- Cổng Thông tin điện tử của STNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, Mh8.



**GIÁM ĐỐC**

  
**Ngô Quang Sự**

**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~104~~/GPMT-STNMT ngày ~~01~~ tháng ~~8~~ năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:****1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt tại văn phòng điều hành và khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp với lưu lượng 0,5 m<sup>3</sup>/ngày.

- Nguồn số 02: Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp được thu gom, đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp để xử lý với lưu lượng tối đa 1.760 m<sup>3</sup>/ngày.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:** kênh Tân Vĩnh Hiệp - hồ Tân Vĩnh Hiệp - suối Chợ - suối Cái - sông Đồng Nai.

**2.2. Vị trí xả nước thải:** 01 điểm xả nước thải vào kênh Tân Vĩnh Hiệp.

Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°): X = 1.221.174, Y = 604.372

**2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:** 1.760,5 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải tập trung sẽ theo hệ thống cống Ø400, chiều dài khoảng 1.100m, sau đó chảy ra cống hộp Ø1.000 dài khoảng 100m và đổ vào kênh Tân Vĩnh Hiệp chảy vào hồ Tân Vĩnh Hiệp, sau đó thoát ra suối Chợ (suối Con), suối Cái và cuối cùng đổ vào sông Đồng Nai.

- Phương thức xả thải: tự chảy.

**2.3.2. Chế độ xả nước thải:** liên tục 24 giờ/ngày.

**2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận** phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, K<sub>q</sub> = 0,9; K<sub>f</sub> = 0,9), cụ thể



như sau:

TT	Chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	Màu	Pt/Co	50		Đã lắp đặt
3	pH	-	6 đến 9		Đã lắp đặt
4	BOD <sub>5</sub> (20 °C)	mg/L	24,3		
5	COD	mg/L	60,75		Đã lắp đặt
6	Chất rắn lơ lửng	mg/L	40,5		Đã lắp đặt
7	Asen	mg/L	0,0405		
8	Thủy ngân	mg/L	0,00405		
9	Chì	mg/L	0,081		
10	Cadimi	mg/L	0,0405		
11	Crom (VI)	mg/L	0,0405		
12	Crom (III)	mg/L	0,162		
13	Đồng	mg/L	1,62		
14	Kẽm	mg/L	2,43		
15	Niken	mg/L	0,162		
16	Mangan	mg/L	0,405		
17	Sắt	mg/L	0,81		
18	Tổng xianua	mg/L	0,0567		
19	Tổng phenol	mg/L	0,081		
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	4,05		
21	Sunfua	mg/L	0,162		
22	Florua	mg/L	4,05		
23	Amoni (tính theo N)	mg/L	4,05		Đã lắp đặt
24	Tổng nitơ	mg/L	16,2		
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/L	3,24		
26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/L	405		
27	Clo dư	mg/L	0,81		
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/L	0,0405		
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho	mg/L	0,243		

	hữu cơ				
30	Tổng PCB	mg/L	0,00243		
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/L	0,0405		
31	Coliform	vi khuẩn/100 mL	3.000		
32	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/L	0,1		
33	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/L	1		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Hệ thống thu gom nước thải của các doanh nghiệp thứ cấp bằng công tròn Bê tông cốt thép (BTCT) có đường kính từ D300 - D400 trên các tuyến nhánh đường D1, H1, H2, Tạo lực 1 và dẫn tới tuyến chính D600 -1000 trên đường N6, sau đó nước thải được dẫn tới HTXLNT tập trung Khu công nghiệp Kim Huy. Công thoát nước thải dùng công BTCT chịu lực, công đi trên vỉa hè, trong các dải cây xanh cách ly, dựa theo cao độ địa hình, các tuyến công bố trí theo các tuyến đường, hoàn toàn chảy về trạm xử lý tập trung.

- Hệ thống thoát nước thải sau xử lý của khu công nghiệp theo công bê tông cốt thép trên đường N6 có đường kính Ø400 và chiều dài khoảng 1.100m, sau đó chảy ra công hộp Ø1.000 dài khoảng 100m dọc theo đường N6 và đổ vào kênh Tân Vĩnh Hiệp chảy vào hồ Tân Vĩnh Hiệp, sau đó thoát ra suối Chợ (suối Con), suối Cái và cuối cùng đổ vào sông Đồng Nai.

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải → Tách rác thô → Bể thu gom → Tách rác tinh → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể trung hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Hồ sinh học → Công thoát nước thải đường N6



của khu công nghiệp → Thải ra môi trường (kênh Tân Vĩnh Hiệp, hồ Tân Vĩnh Hiệp, suối Chợ, suối Cái và cuối cùng đổ ra sông Đồng Nai).

- Công suất thiết kế: 2.000 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: NaOH, H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, Dinh dưỡng, PAC, Polymer, Chlorine (hoặc các hóa chất khác tương đương, bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Tại mương quan trắc nước thải sau xử lý.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, Độ màu, TSS, COD, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Có.

- Camera theo dõi: Camera quan sát các hạng mục công trình xử lý nước thải, camera quan sát mương quan trắc và camera quan sát thiết bị đo.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.

### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Công trình ứng phó sự cố:

+ Đã xây dựng dự phòng 01 công trình xử lý nước thải, công suất 1.000 m<sup>3</sup>/ngày, quy trình: Nước thải từ bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng sơ cấp → Bể trung hòa → Bể xử lý sinh học dính bám (FBR) → Bể lắng thứ cấp → Bể trung gian → Bồn lọc cát → Bồn lọc than hoạt tính → Bể khử trùng → Khử Clo dư → Thải vào hệ thống thoát nước thải sau xử lý (Mương quan trắc → Hồ sinh học → Cống thoát nước thải đường N6 của khu công nghiệp → Kênh Tân Vĩnh Hiệp).

Bể xử lý sinh học dính bám (FBR) được sục khí liên tục, đảm bảo vi sinh hoạt động khi có sự cố xảy ra.

+ Đã xây dựng 01 hồ ứng phó sự cố cho hệ thống xử lý nước thải tập trung có thể tích 4.250 m<sup>3</sup>. Thành hồ được xây bằng bê tông để ngăn ngừa nước thải thấm thấu ra môi trường đất. Mực nước trong hồ được duy trì ở cao độ +0,3 m so với đáy hồ để bảo dưỡng công trình.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, đóng van xả nước thải sau xử lý ra môi trường. Nước thải vượt quy chuẩn tự chảy về bể gom nước thải đầu vào để xử lý lại hoặc dẫn về công trình xử lý nước



thải dự phòng công suất 1.000m<sup>3</sup>/ngày để tiếp tục xử lý. Trường hợp nước thải sau xử lý vẫn tiếp tục vượt quy chuẩn thì dẫn về hồ sự cố trước khi bơm về bể gom nước thải đầu vào để xử lý lại.

Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố thiết bị, nước thải được bơm về hồ sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được bơm từ hồ sự cố về bể gom nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải để xử lý lại.

Ban hành tiêu chuẩn tiếp nhận đầu nối nước thải của các doanh nghiệp thứ cấp trong khu công nghiệp, buộc các doanh nghiệp thứ cấp xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn đầu nối trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

Bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát hạ tầng hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

#### 1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt/C <sub>o</sub>	150
3	pH	-	5,5 đến 9
4	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/L	500
5	COD	mg/L	1.000
6	Chất rắn lơ lửng	mg/L	300
7	Asen	mg/L	0,05
8	Thủy ngân	mg/L	0,005
9	Chì	mg/L	0,1
10	Cadimi	mg/L	0,05
11	Crom (VI)	mg/L	0,05
12	Crom (III)	mg/L	0,2
13	Đồng	mg/L	2
14	Kẽm	mg/L	3
15	Niken	mg/L	0,2
16	Mangan	mg/L	0,5
17	Sắt	mg/L	1
18	Tổng xianua	mg/L	0,07
19	Tổng phenol	mg/L	0,1
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	10

21	Sunfua	mg/L	0,5
22	Florua	mg/L	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/L	10
24	Tổng nitơ	mg/L	40
25	Tổng photpho (tính theo P )	mg/L	6
26	Clorua	mg/L	1.000
27	Clo dư	mg/L	2
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/L	0,1
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/L	1
30	Tổng PCB	mg/L	0,01
31	Coliform	MPN/100mL	5.000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/L	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/L	1

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

### 2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

### 2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Công trình xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, công suất 2.000m<sup>3</sup>/ngày.

#### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

02 vị trí (Nước thải đầu vào tại bể thu gom và nước thải đầu ra tại mương quan trắc).

#### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và so sánh với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40: 2011/BTNMT (cột A;  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 0,9$ ).

### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

- Giai đoạn vận hành điều chỉnh: Công ty tự quyết định.
- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân



tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa; hệ thống thu gom và thoát nước thải; hệ thống xử lý nước thải tập trung phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp phải bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

3.2. Dấu nổi và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 01 năm.

3.4. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TTBTNMT. Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.5. Việc vận hành thử nghiệm phải tuân thủ quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm a Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022. Tổng hợp, đánh giá số liệu và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 104/GPMT-STNMT ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

Nguồn thải: Khí thải từ 01 máy phát điện dự phòng, công suất 106 kVA, nhiên liệu sử dụng là dầu DO.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:****2.1 Vị trí xả khí thải:**

Trong nhà máy xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp giai đoạn 1.

Tọa độ X= 1.220.806, Y = 604.998.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°).

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 340m<sup>3</sup>/giờ.****2.2.1. Phương thức xả khí thải:**

Khí thải sau được xả ra môi trường qua ống khói có chiều cao 3m, đường kính 90mm; xả liên tục khi thiết bị hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

**B. CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG****1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

**1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:**

Bụi, khí thải phát sinh từ các máy phát điện dự phòng xả ra môi trường qua ống khói thải riêng.

**1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:**

01 máy phát điện dự phòng, công suất 106 kVA, nhiên liệu sử dụng là dầu DO.

**1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

**1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng máy phát điện để có thể phát hiện và khắc phục sự cố kịp thời.

Khi xảy ra sự cố đối với thiết bị phát sinh bụi, khí thải thì phải dừng hoạt động các thiết bị có liên quan trực tiếp để xử lý, khắc phục sự cố trước khi cho vận hành trở lại.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



## Phụ lục 3

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 10.4/GPMT-STNMT ngày 01 tháng 8..  
năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 2: Máy phát điện dự phòng, công suất 106kVA.

#### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Tọa độ X= 1.220.806, Y = 604.998.
  - Nguồn số 2: Tọa độ X= 1.220.806, Y = 604.998.
- (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

#### 3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

#### 3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; trồng cây xanh trong khuôn viên cơ sở để hạn chế tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 104/GPMT-STNMT ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	120.000	KS
2	Nhớt thải đã qua sử dụng	17 02 03	360	NH
3	Giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	10	KS
4	Hộp mực in thải	08 02 04	12	KS
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải (can dầu nhớt, hóa chất,...)	18 01 03	120	KS
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	5	NH
7	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	3	NH
	<b>Tổng</b>		<b>120.510</b>	

**1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh:**

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn thông thường (từ chăm sóc xây xanh, từ các hoạt động tại khu vực công cộng)	10.950
	<b>Tổng</b>	<b>10.950</b>

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt văn phòng	1.300

	<b>Tổng</b>	<b>1.300</b>
--	-------------	--------------

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy.

2.1.2. Kho/ khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: 64 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu vực có tường gạch bao quanh và mái che bằng tôn; nền bê tông chống thấm, có biển cảnh báo, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã CTNH, có thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy.

2.2.2 Kho/ khu vực lưu chứa: Không có kho lưu chứa riêng chất thải rắn sinh hoạt.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 104/GPMT-STNMT ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG):**

1. Theo Quyết định số 4924/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Dự án xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Kim Huy thì Dự án tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường bao gồm: Xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung đảm bảo tổng công suất thiết kế là 6.000 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) theo tiến độ đầu tư và nhu cầu đầu nối nước thải của các cơ sở đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp Kim Huy.

2. Sau khi hoàn thành việc xây dựng bổ sung, Công ty có trách nhiệm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét cấp lại giấy phép môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp theo quy định tại Khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường hiệu quả trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường. Trong đó, quy định cụ thể tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của các doanh nghiệp thứ cấp phù hợp theo từng loại hình ngành nghề sản xuất.

6. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.